

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

I SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/09/16	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>1,018,329,501,246</b>	<b>1,071,561,008,455</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>215,527,556,511</b>	<b>470,061,718,120</b>
1. Tiền		111		81,304,266,213	242,393,182,850
2. Các khoản tương đương tiền		112		134,223,290,298	227,668,535,270
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>491,816,358,636</b>	<b>363,509,670,487</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131		177,832,385,960	103,363,445,699
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132		273,965,763,375	169,259,565,534
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn khác		135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		136	<b>5.2</b>	40,716,919,654	91,048,764,635
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		(698,710,353)	(162,105,381)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>270,402,440,661</b>	<b>214,186,555,570</b>
1. Hàng tồn kho		141	<b>5.3</b>	270,402,440,661	214,186,555,570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>40,583,145,438</b>	<b>23,803,064,278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		17,343,822,816	14,690,447,772
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		23,226,927,187	9,112,616,506
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		12,395,435	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>1,437,365,375,180</b>	<b>883,203,669,585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn khác		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>709,611,743,494</b>	<b>636,532,208,633</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	<b>5.4</b>	669,207,286,257	595,375,421,956
Nguyên giá		222		1,017,465,133,169	901,299,077,489
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(348,257,846,912)	(305,923,655,533)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, T. Hải Dương

Điện thoại: 0320.3755997

Fax: 0320.3755113

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2016

Mẫu số : Q-01d

	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.5	40,404,457,237	41,156,786,677
	<i>Nguyên giá</i>	228		45,206,131,504	45,206,131,504
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,801,674,267)	(4,049,344,827)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>664,743,843,227</b>	<b>191,159,377,412</b>
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		664,743,843,227	191,159,377,412
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>43,010,288,529</b>	<b>42,587,327,201</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6	43,010,288,529	42,587,327,201
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19,999,499,930</b>	<b>12,924,756,339</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		19,981,601,624	12,925,115,705
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17,898,306	(359,366)
3	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,455,694,876,426</b>	<b>1,954,764,678,040</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/16</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,546,666,365,900</b>	<b>1,135,279,409,795</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>908,521,146,056</b>	<b>667,079,248,529</b>
1	Phải trả ngắn hạn người bán	311		269,371,410,852	200,885,707,160
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10,843,832,311	12,300,795,564
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		8,375,031,333	5,746,819,042
4	Phải trả người lao động	314		5,181,503,689	4,560,270,983
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9.	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	5.7	3,893,060,777	3,856,673,854
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	610,554,606,825	438,769,898,696
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		301,700,269	959,083,230
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>638,145,219,844</b>	<b>468,200,161,266</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả dài hạn nội bộ	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	340,420,219,844	171,262,661,266

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, T. Hải Dương

Điện thoại: 0320.3755997

Fax: 0320.3755113

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2016

Mẫu số : Q-01d

9	Trái phiếu chuyển đổi	339	<b>5.10</b>	297,725,000,000	296,937,500,000
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B -</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>909,028,510,526</b>	<b>819,485,268,245</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>909,028,510,526</b>	<b>819,485,268,245</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		518,999,880,000	494,999,880,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		494,999,880,000	494,999,880,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		24,000,000,000	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		153,263,767,329	147,408,567,329
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		2,137,719,259	1,587,734,457
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		38,274,886,929	35,950,759,648
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13,177,404,323	13,177,404,323
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172,467,208,084	116,439,130,668
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		71,776,592,221	76,423,259,683
	- LNST chưa PP kỳ này	421b		100,690,615,863	40,015,870,985
12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		<b>10,707,644,602</b>	<b>9,921,791,820</b>
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,455,694,876,426</b>	<b>1,954,764,678,040</b>

Hải Dương, ngày 26 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Hồ Thị Hòa

Kế toán trưởng

Hòa Thị Thu Hà



Giám đốc

Nguyễn Lê Trung

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****Quý III Năm 2016**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			Quý III/2016	Quý III/2015	Lũy kế từ đầu năm 2016 đến cuối quý III/2016	Lũy kế từ đầu năm 2015 đến cuối quý III/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	536,306,787,098	468,150,054,175	1,477,809,999,817	1,156,075,648,311
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		719,625,826	709,075,478	1,575,110,868	1,147,275,423
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		535,587,161,272	467,440,978,697	1,476,234,888,949	1,154,928,372,888
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	452,794,707,854	408,027,734,333	1,267,985,476,669	1,021,984,177,106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82,792,453,418	59,413,244,364	208,249,412,280	132,944,195,782
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4,802,491,049	5,885,459,644	20,834,511,931	18,390,725,576
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8,643,546,827	16,154,571,135	27,468,634,159	35,942,682,748
8. Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,637,193,744	6,541,008,895	20,018,642,913	17,592,291,049
9. Phần lãi lỗ trong cty liên kết, liên doanh	24		2,294,446,474	1,774,107,636	422,961,328	1,474,380,629
10. Chi phí bán hàng	25		19,223,067,035	21,069,377,932	42,354,005,280	65,379,322,480
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18,667,976,850	8,576,936,315	47,024,982,206	29,690,354,920
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43,354,800,229	21,271,926,262	112,659,263,894	21,796,941,839
13. Thu nhập khác	31		4,189,497,583	1,001,306,272	6,967,614,116	1,588,693,950
14. Chi phí khác	32		13,779,258	(410,000,826)	1,367,113,709	3,616,144
15. Lợi nhuận khác	40		4,175,718,325	1,411,307,098	5,600,500,407	1,585,077,806
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47,530,518,554	22,683,233,360	118,259,764,301	23,382,019,645
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		8,318,791,223	2,800,103,085	16,801,553,323	4,116,898,214
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		81,969,418	(8,044,386)	(18,257,667)	19,683,033
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39,129,757,913	19,891,174,661	101,476,468,645	19,245,438,398
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cty mẹ	61		38,673,855,843	19,854,016,189	100,690,615,863	18,838,672,509
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		455,902,070	37,158,472	785,852,782	406,765,889
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

Hòa

Hỗ Thị Hòa

Kế toán trưởng

Hòa

Hỗ Thị Thu Hà



Nguyễn Lê Trung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2016

Đơn vị tính: VND

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>118,259,764,301</b>	<b>23,382,019,645</b>
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	02		68,543,728,479	62,051,455,528
-	Các khoản dự phòng	03		536,604,972	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các k	04		332,629,886	1,401,049,891
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8,596,923,323)	(10,026,293,127)
-	Chi phí lãi vay	06		20,018,642,913	17,592,291,049
-	Các khoản điều chỉnh khác	07			
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	08		<b>199,094,447,228</b>	<b>94,400,522,986</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(193,704,250,975)	(248,486,372,124)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(56,215,885,091)	(41,203,934,355)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		244,011,571,176	169,038,439,262
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9,709,860,963)	(10,831,588,781)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(20,018,642,913)	(17,592,291,049)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14,195,498,537)	(1,586,848,677)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50,785,197,738	51,809,038,923
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,524,960,057)	(2,220,508,785)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>195,522,117,606</b>	<b>(6,673,542,600)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(829,899,401,942)	(259,788,634,714)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		43,985,429,817	5,661,363,636
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20,000,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,594,282,412	9,316,675,978
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(782,319,689,713)</b>	<b>(224,810,595,100)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		25,905,200,000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, T. Hải Dương

Điện thoại: 0320.3755997

Fax: 0320.3755113

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2016

Mẫu số : Q-03d

2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,485,813,967,324	1,200,186,104,936
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,144,765,511,110)	(1,078,725,163,361)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34,609,811,600)	
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>332,343,844,614</b>	<b>121,460,941,575</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(254,453,727,493)</b>	<b>(110,023,196,125)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>470,061,718,120</b>	<b>336,807,716,067</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(80,434,116)	415,992,334
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>215,527,556,511</b>	<b>227,200,512,276</b>

Hải Dương, ngày 26 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hồ Thị Hòe



Hòa Thị Thu Hà

Giám đốc



Nguyễn Lê Trung

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2016**

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

##### ***Công ty mẹ***

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 20 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

##### ***Công ty con***

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, cty con đang hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 1 năm 2013

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT – YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu CN phía Nam- Xã văn Tiến- TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái

2. Cty TNHH Nhựa Thakhek là cty TNHH được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký KD số 01-000002 ngày 08/04/2013 do Khu kinh tế riêng Thakhek cấp, có trụ sở tại: Khu kinh tế riêng Thakhek, bản Vontay, thị xã Thakhek, tỉnh Khamuon thuộc CH dân chủ nhân dân Lào.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);

In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

## **3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo



Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, Công ty có 2 công ty con, chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- **Tên Công ty :** Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái  
**Địa chỉ :** Khu CN phía Nam- Xã văn Tiến- TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái  
**Hoạt động chính:** Là công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa.  
**Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2015 :** 79 000 000 000 đồng  
**Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ :** 91,86%  
**Quyền biểu quyết của Công ty mẹ :** 91,86%

- **Tên công ty: Công ty TNHH Nhựa Thakhek**

**Địa chỉ:** Khu kinh tế riêng Thakhek, bản Vontay, thị xã Thakhek, tỉnh Khamuon thuộc CH dân chủ nhân dân Lào

**Hoạt động chính:** Là cty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất túi nilon khép kín

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của thông tư số 179/2012/TT-BTC. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của thông tư số 179/2012/TT-BTC.

#### **Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, nhà máy 5 được miễn thuế TNDN, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động SXKD của Nhà máy số 1, 2 và Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác là 22%

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được

ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TỐAN

### 5.1 TIỀN

	<b>30/9/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>\</b>
Tiền mặt	9,289,127,151	5,639,613,726
Tiền gửi ngân hàng	72,015,139,062	236,753,569,124
Tiền đang chuyển	-	-
Tương đương tiền	134,223,290,298	227,668,535,270
<b>Cộng</b>	<b>215,527,556,511</b>	<b>470,061,718,120</b>

### 5.2 PHẢI THU KHÁC

	<b>30/9/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	8,936,575,075	31,335,296,127
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,070,752,157	37,190,398,970
Thuế GTGT đề nghị hoàn	26,854,992,603	15,220,091,866
Phải thu khác	1,854,599,819	7,302,977,672
<b>Cộng</b>	<b>40,716,919,654</b>	<b>91,048,764,635</b>

### 5.3 HÀNG TỒN KHO

	<b>30/9/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	198,009,002,555	159,052,899,529
Công cụ, dụng cụ	9,841,484,235	7,052,472,655
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16,908,761,786	14,092,508,217
Thành phẩm	45,643,192,085	33,988,675,169
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>270,402,440,661</b>	<b>214,186,555,570</b>

**5.4 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2016	164,220,009,265	626,618,489,189	75,830,243,629	3,534,549,455	15,670,983,000	15,424,802,951	901,299,077,489
Mua trong kỳ	5,566,363,636	136,813,795,295	33,534,464,208	44,500,000		170,000,000	176,129,123,139
Đầu tư XDCB hoàn thành	6,006,901,635						6,006,901,635
Tặng khác							-
Chuyển sang bất động sản đầu tư							-
Thanh lý, nhượng bán		35,536,331,654	30,433,637,440				65,969,969,094
Giảm khác							-
<b>Số dư tại ngày 30/09/2016</b>	<b>175,793,274,536</b>	<b>727,895,952,830</b>	<b>78,931,070,397</b>	<b>3,579,049,455</b>	<b>15,670,983,000</b>	<b>15,594,802,951</b>	<b>1,017,465,133,169</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2016	35,992,810,841	237,775,537,490	24,429,975,502	1,091,283,810	3,952,219,581	2,681,828,309	305,923,655,533
Khấu hao trong kỳ	7,594,947,243	50,372,109,787	7,751,562,606	407,491,477	624,265,407	1,041,022,524	67,791,399,044
Thanh lý, nhượng bán		15,933,295,740	9,523,911,925				25,457,207,665
Giảm khác							-
<b>Số dư tại ngày 30/09/2016</b>	<b>43,587,758,084</b>	<b>272,214,351,537</b>	<b>22,657,626,183</b>	<b>1,498,775,287</b>	<b>4,576,484,988</b>	<b>3,722,850,833</b>	<b>348,257,846,912</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2016	128,227,198,424	388,842,951,699	51,400,268,127	2,443,265,645	11,718,763,419	12,742,974,642	595,375,421,956
Tại ngày 30/09/2016	132,205,516,452	455,681,601,293	56,273,444,214	2,080,274,168	11,094,498,012	11,871,952,118	669,207,286,257

**5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	45,053,245,844	152,885,660	45,206,131,504
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/09/2016</b>	<b>45,053,245,844</b>	<b>152,885,660</b>	<b>45,206,131,504</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	3,982,653,613	66,691,214	3,061,100,017
Khấu hao trong kỳ	725,579,442	26,749,998	752,329,440
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/09/2016</b>	<b>4,708,233,055</b>	<b>93,441,212</b>	<b>3,813,429,457</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	41,070,592,231	86,194,446	41,156,786,677
Số dư tại ngày 30/09/2016	40,345,012,789	59,444,448	40,404,457,237



## **5.6 ĐẦU TƯ VÀO CTY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Đây là khoản đầu tư của Công ty CP Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát vào Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh dưới hình thức mua lại cổ phiếu của các cổ đông trên sàn chứng khoán. Đến ngày 31/12/2015 cty đã nắm giữ 966 582 CP của Cty cổ phần Nhựa bao bì Vinh tương đương với tỷ lệ sở hữu 32.22% trên tổng số lượng CP của Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh đang lưu hành. Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh có địa chỉ tại số 18, đường Phong Định Cảng, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, mã chứng khoán là VBC.

## **5.7 PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	176,146,812	123,949,400
Bảo hiểm xã hội	7,733,159	116,881,744
Bảo hiểm y tế	1,722,061	2,214,802
Bảo hiểm thất nghiệp	367,059	1,244,405
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	10,307,038	2,147,772
Cổ tức phải trả		31,693,792
Phải trả, phải nộp khác	3,696,784,648	3,578,541,939
<b>Cộng</b>	<b>3,893,060,777</b>	<b>3,856,673,854</b>

## **5.8 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng  
Nam Sách – Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2016  
đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

	<b>30/9/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)	112,702,921,385	31,438,643,627
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)		-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	100,005,357,838	44,609,019,099
Ngân hàng Bangkok đại chúng	13,830,672,241	19,805,764,745
Ngân hàng TMCP công thương VN- CN Hải Dương	196,191,641,733	225,377,369,856
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	48,795,708,030	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (VIB - CN HD)		-
Ngân hàng TMCP ngoại thương VN CN HD	109,901,768,034	75,183,501,563
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	3,691,598,400	12,224,025,000
Ngân hàng Citibank N.A - Chi nhánh TP Hà nội	25,434,939,164	30,131,574,806
<b>Cộng</b>	<b>610,554,606,825</b>	<b>0 438,769,898,696</b>

**5.9 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>30/9/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ii)	58,208,780,412	65,997,696,452
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	77,323,439,432	34,271,339,814
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương	55,800,000,000	66,300,000,000
Ngân hàng TMCP ngoại thương VN CN HD	588,000,000	4,693,625,000
Trái phiếu phát hành	148,500,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>340,420,219,844</b>	<b>171,262,661,266</b>

**5.10 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB- AAA ngày 01/12/2015 bên bán : Cty CP Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát , bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư xây dựng nhà máy mới , mở rộng hoạt động SXKD , số lượng 300 000 trái phiếu, mệnh giá 1 0000 000đ/ trái phiếu. Ngày phát hành 04/12/2015 với kỳ hạn 3 năm , lãi suất 5.6%/ năm đầu tiên,kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng/ lần

**5.11 TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VN
Số dư tại 1/1/2015	396,000,000,000	147,501,567,329	-	31,389,007,730	14,053,617,323	9,388,849,208	187,992,781,673	786,325,823,26.
Tăng vốn trong năm	98,999,880,000	(93,000,000)	-	-	-	-	-	98,996,880,00
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	532,942,612	40,015,870,985	40,548,813,59
Trích lập các quỹ	-	-	-	4,561,751,918	-	-	(10,469,641,990)	(5,907,890,07.
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	(101,099,880,000)	(101,099,880,00
Chia cổ tức	-	-	1,587,734,457	-	-	-	-	1,587,734,45
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>494,999,880,000</b>	<b>147,408,567,329</b>	<b>1,587,734,457</b>	<b>35,950,759,648</b>	<b>13,177,404,323</b>	<b>9,921,791,820</b>	<b>116,439,130,668</b>	<b>819,485,268,24</b>
Tăng vốn trong kỳ	24,000,000,000	6,000,000,000	-	-	-	-	-	30,000,000,00
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	785,852,782	100,690,615,863	101,476,468,64.
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	2,324,127,281	-	-	(6,012,546,847)	(3,688,419,56
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(34,649,991,600)	(34,649,991,60
Tăng khác	-	-	2,137,719,259	-	-	-	-	2,137,719,25
Chi tiền quỹ	-	(144,800,000)	(1,587,734,457)	-	-	-	(4,000,000,000)	(5,732,534,45
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/09/2016</b>	<b>518,999,880,000</b>	<b>153,263,767,329</b>	<b>2,137,719,259</b>	<b>38,274,886,929</b>	<b>13,177,404,323</b>	<b>10,707,644,602</b>	<b>172,467,208,084</b>	<b>909,028,510,52</b>

**6. THÔNG TIN BỔ DUNG TRÊN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	63,917,527,420	52,814,490,544	195,151,396,697	90,598,931,062
Doanh thu bán các thành phẩm	472,277,884,678	415,299,563,631	1,281,948,188,120	1,063,054,304,851
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111,375,000	36,000,000	710,415,000	2,422,412,398
<b>Cộng</b>	<b>536,306,787,098</b>	<b>468,150,054,175</b>	<b>1,477,809,999,817</b>	<b>1,156,075,648,311</b>

**6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	61,090,571,521	53,577,279,616	186,807,731,843	87,753,429,203
Giá vốn của thành phẩm	391,704,136,332	354,450,454,716	1,081,177,744,825	933,267,304,192
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-	-	963,443,710
<b>Cộng</b>	<b>452,794,707,854</b>	<b>408,027,734,333</b>	<b>1,267,985,476,669</b>	<b>1,021,984,177,106</b>

**6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đông  
Nam Sách – Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ III NĂM 2016**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2016  
đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,500,628,105	1,115,914,865	3,594,282,412	4,501,124,745
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,301,862,944	4,769,544,779	10,474,155,519	9,024,826,968
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	0	0	31,863,863
Lãi từ đầu tư trái phiếu	0			
Cổ tức được chia	0		6,766,074,000	4,832,910,000
<b>Cộng</b>	<b>4,802,491,049</b>	<b>5,885,459,644</b>	<b>20,834,511,931</b>	<b>18,390,725,576</b>

**6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	6,637,193,744	6,541,008,895	20,018,642,913	17,592,291,049
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,006,353,083	9,613,562,240	7,117,361,360	16,917,477,945
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	332,629,886	1,432,913,754
Chi phí tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8,643,546,827</b>	<b>16,154,571,135</b>	<b>27,468,634,159</b>	<b>35,942,682,748</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Hết*

HÒA THỊ HÒE

KẾ TỐAN TRƯỞNG

*Luot*

HÒA THỊ THU HÀ



NGUYỄN LÊ TRUNG